

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-ST

Ngày: 27-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2018/TLST-DS ngày 04/7/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 8, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 8, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Tuấn K trình bày:

Ông Lê Tuấn K và vợ chồng ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Lệ H là chỗ quen biết. Ông K đã cho vợ chồng ông V, bà H vay tiền nhiều lần. Ngày 04/01/2016, bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Lê Văn V có vay của ông Lê Tuấn K 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngày 25/01/2016, bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Lê Văn V tiếp tục vay của ông K số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất. Các lần vay tiền, đều có lập giấy vay và bà H, ông V cùng ký tên vào giấy vay tiền. Ông V và bà H đã nhận đủ số tiền vay từ ông K. Về thời hạn thanh toán thì hai bên đều thống nhất khi nào ông K cần tiền thì bà H, ông V sẽ trả lại cho ông K. Để đảm bảo thì bà H có giao cho ông K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 25/5/2004 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Lệ H. Tổng cộng số tiền bà H và ông V đã vay của ông K là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Do cần sử dụng tiền nên ông K đã liên hệ bà H và ông V để trả lại số tiền đã vay nhưng bà H và ông V cố tình trốn tránh không trả bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông K yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả số tiền đã vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Sau khi bà H và ông V trả tiền thì ông K sẽ trả lại cho bà H và ông V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 25/5/2004 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Lệ H.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:*

Bà H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Tuấn K về các lần vay tiền, thời gian vay, số tiền vay và thời hạn thanh toán. Tổng cộng số tiền bà H và ông V đã vay của ông K là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có thỏa thuận mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Để đảm bảo thì bà H có giao cho ông K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 25/5/2004 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Lệ H. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại nên bà H và ông V không có tiền để thanh toán cho ông K. Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà H và ông Lê Văn V phải trả số tiền đã vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi thì bà H đồng ý. Tuy nhiên, bà H xin ông K thời hạn trả số tiền trên trong vòng 6 tháng kể từ ngày 07/8/2018. Bà H thống nhất sau khi bà H và ông V trả tiền đầy đủ cho ông K thì ông K có trách nhiệm trả lại cho bà H và ông V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 25/5/2004 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Lệ H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn V nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng theo thông báo và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để chấp nhận hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Lệ H xác định bà H và ông V vẫn còn là vợ chồng

nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng thay cho ông V. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án giải quyết vắng mặt ông V theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lệ H có địa chỉ cư trú tại Tổ 8, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Tuấn K yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả số tiền đã vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn ông Lê Tuấn K và bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà H, ông V.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lê Tuấn K và bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H cùng thống nhất ngày 04/01/2016 bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Lê Văn V có vay của ông K số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) không thỏa thuận lãi suất. Ngày 25/01/2016 ông K tiếp tục cho bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Lê Văn V vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất. Cả 2 lần vay tiền có lập thành giấy vay tiền ngày 04/01/2016 và ngày 25/01/2016. Tổng cộng số tiền bà H và ông V đã vay của ông K là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, ông K đã liên hệ bà H và ông V để trả lại số tiền đã vay nhưng bà H và ông V cố tình trốn tránh không trả bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông K yêu cầu tòa án giải

quyết buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lê H phải trả số tiền đã vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lê H đồng ý thanh toán số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nhưng xin thời hạn trả số tiền trên trong vòng 6 tháng kể từ ngày 07/8/2018. Xét, việc thỏa thuận vay tiền các các bên được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 04/01/2016 và ngày 25/01/2016 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay khi đến hạn nên nguyên đơn yêu cầu trả là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 466 của Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu của bà H về việc xin thời hạn trả số tiền trong vòng 6 tháng kể từ ngày 07/8/2018 không được nguyên đơn là ông Lê Tuấn K đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Đối với số tiền lãi phát sinh ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê Văn V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Tuấn K đối với bị đơn là ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lê H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lê H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Tuấn K số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Sau khi bà H và ông V thanh toán đủ cho ông K số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thì ông K có trách nhiệm trả lại cho bà H và ông V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983344, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 25/5/2004 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Lê H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Lệ H phải nộp 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Lê Tuấn K số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022290 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Phương